

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-6-2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Nguyên;

2. Ông Đoàn Văn Lược.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Hữu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Huyền T, sinh năm 1991. Thường trú: Tổ D, ấp A, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Minh N, sinh năm 1991. Thường trú: Tổ D, ấp A, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Vũ Thị Huyền T trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Lê Minh N có tìm hiểu nhau, có tổ chức đám cưới và được cha mẹ hai bên đồng ý. Ngày 25/4/2011, bà T và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do ông N không quan tâm tới gia đình. Hiện nay, bà T và ông N đã sống ly thân. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông N.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, bà T và ông N có 03 con chung tên Lê Vũ Phương Ng, sinh ngày 03/10/2010, Lê Vũ Phương U, sinh ngày 03/8/2012, Lê Vũ Mai P, sinh ngày 12/7/2016. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi 03 con. Không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Minh N: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn ông N vắng mặt không có lý do theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, ông N cũng không cung cấp chứng cứ nào liên quan đến vụ án cho Tòa án, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông N theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã áp dụng đầy đủ đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà T yêu cầu được ly hôn với ông N. Xét, mâu thuẫn giữa bà T và ông N không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, về con chung xét cháu Lê Vũ Phương Ng, sinh ngày 03/10/2010, Lê Vũ Phương U, sinh ngày 03/8/2012 đã trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bà T và Lê Vũ Mai P, sinh ngày 12/7/2016, đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 cháu cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không có yêu cầu nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T yêu cầu ly hôn với ông N, hiện nay bà T và ông N có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của ông Lê Minh N, trong quá trình giải quyết vụ án ông N đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông N vắng mặt không có lý do và không cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy, bà T và ông N có tìm hiểu nhau, có tổ chức đám cưới và được cha mẹ hai bên đồng ý. Ngày 25/4/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm, nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do ông N

không quan tâm chăm lo cho gia đình. Ngày 20/5/2022, Tòa án tiến hành xác minh tại xã L, huyện B thấy rằng, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N không báo nên chính quyền địa phương không biết, về vấn đề con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Như vậy, do ông N vắng mặt không cung cấp chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình, Hội đồng xét xử căn cứ trên các chứng cứ bà T giao nộp cho Tòa án, xét việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông N là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà T và ông N có 03 con chung tên Lê Vũ Phương Ng, sinh ngày 03/10/2010, Lê Vũ Phương U, sinh ngày 03/8/2012, Lê Vũ Mai P, sinh ngày 12/7/2016. Bà T có nguyện vọng được nuôi 03 con. Tại bản tự khai ngày 26/10/2021, cháu Lê Vũ Phương Ng, Lê Vũ Phương U đã trên 07 tuổi và có ý kiến nếu bà T và ông N ly hôn thì các cháu có nguyện vọng xin được ở với bà T. Xét nguyện vọng của cháu Ng, cháu U và yêu cầu của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con Lê Vũ Phương Ng, Lê Vũ Phương U, Lê Vũ Mai P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Minh N không phải cấp dưỡng nuôi.

Bà Vũ Thị Huyền T và ông Lê Minh N đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có đơn yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị Huyền T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 264 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Huyền T về việc ly hôn với ông Lê Minh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Huyền T được ly hôn với ông Lê Minh N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Vũ Phương Ng, sinh ngày 03/10/2010, Lê Vũ Phương U, sinh ngày 03/8/2012, Lê Vũ Mai P, sinh ngày 12/7/2016 cho bà Vũ Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Vũ Thị Huyền T và ông Lê Minh N đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi

ích của con chưa thành niên, khi có đơn yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Vũ Thị Huyền T phải chịu số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên theo biên lai thu số 0009754 ngày 15 tháng 10 năm 2021.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã L, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tiến Lợi

